

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tấn Hậu.
- Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 427/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị O, sinh năm 1984, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Số N ấp A, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Cư trú: Số P, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị O, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị O và ông Võ Văn H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2020. Vợ chồng có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau vui vẻ, hạnh phúc được 07 tháng thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ông H đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ lúc bà O mang thai được 07 tháng. Nguyên nhân phát sinh mâu

thuần do ông H thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm đến bà O. Từ lúc bà O sinh con đến nay ông H cũng không quan tâm đến con chung và hàng tháng cũng không đưa tiền cho bà O nuôi con. Hiện vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà O yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

+ Về con chung: Bà O và ông H có 01 (một) con chung tên Lê V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2021. Hiện nay con chung đang sống chung với bà O. Khi Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng thì bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Võ Văn H vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Ông H hiện cư trú tại số P, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, bà O có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà O và ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Bà O và ông H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2020 nhưng đến nay vẫn không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[3.1.2] Xét thấy, hôn nhân của bà O và ông H đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không

xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân giữa các bên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông H là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà O và ông H có 01 (một) con chung tên Lê V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2021. Hiện nay cháu Lê V đang sống chung với bà O. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[3.2.1] Xét thấy, cháu Lê V chưa thành niên, bà O có công việc làm ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu V. Ông H không có ý kiến về yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu V, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V cho bà O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2.2] Bà O cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

[3.2.3] Bà O và ông H có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: Bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông H cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung trong quá trình hai người sống chung với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà O có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị O và ông Võ Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Lê Thị O được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê V, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2021.

Bà O cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Bà O và ông H có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000827 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

6. Về quyền kháng cáo: Bà O và ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan

